

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2018/DS-PT

Ngày: 23 & 30-7-2018

V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Ta - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 và 30 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 81/2018/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2018; về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2018/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện CM bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 159/2018/QĐXXPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Công Tr, sinh năm 1975 (Có mặt)

Cư trú: Xã ĐM, huyện TS, tỉnh An Giang.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có luật sư Phan Thị V Văn phòng luật sư NB thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Ông Lê Hồng H, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

2.2 Ông Lê Văn N, sinh năm 1951 (Có mặt)

Cùng cư trú: Xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có luật sư Nguyễn Văn Ph Văn phòng luật sư Nguyễn Văn Ph thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1980 (Có mặt)

Cư trú: Xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Ông Võ Công Tr là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện:

Nguyên đơn ông Võ Công Tr trình bày: Trước đây, ông Tr có cho ông H vay số tiền 230.000.000 đồng để thuê đất làm lúa ở TS nhưng do ông H làm lúa thua lỗ, nên không có khả năng trả số tiền vay. Ngày 09.12.2016 ông Tr và ông H có thỏa thuận với nội dung “Ông H thống nhất cầm 01 chiếc ghe AG-20331, loại gỗ, trọng tải 52 tấn cho ông Tr với số tiền 230.000.000 đồng”. Tuy nhiên, ghe và giấy tờ ông H vẫn giữ. Từ ngày thỏa thuận cầm ghe 09/12/2016 đến ngày 12/4/2017 thì ông H không đóng lãi, nên số tiền lãi phát sinh là 18.860.000 đồng (lãi 2%/tháng), tổng cộng tiền vay và tiền lãi ông H còn nợ là 248.860.000 đồng.

Ngoài ra trong thời gian ông H làm lúa ở TS, ông H có mua phân bón thuốc trừ sâu của ông Tr. Vụ Đông Xuân 2017, sau khi kết sổ thì ông H còn nợ ông tiền mua phân bón 60.486.000 đồng.

Đến ngày 12/4/2017, giữa ông Tr và ông H có làm tờ biên nhận mới là ông H và ông N còn nợ lại ông Tr số tiền tổng cộng là 310.000.000 đồng. Sau đó ông H trả được 50.000.000 đồng còn lại 260.000.000 đồng, ông H chưa trả.

Vì ông H lấy ghe chở lúa về không còn thuê đất làm lúa ở TS nữa, nên ông TR yêu cầu ông H phải trả số tiền thì ông TR mới đồng ý cho chở lúa về. Ông N ký tên vào tờ biên nhận nợ để bảo lãnh số tiền nợ cho ông H, việc ký tên của ông N có sự chứng kiến của Công an xã MPĐ. Nay, ông yêu cầu ông Lê Hồng H và ông Lê Văn N trả cho ông số tiền nợ còn lại 260.000.000 đồng (theo biên nhận ngày 12/4/2017) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 12/4/2017 đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Lê Hồng H trình bày: Năm 2016, ông H có vay của ông Tr 200.000.000 đồng để thuê đất làm lúa, khi vay có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Khi ông H không đóng lãi thì số tiền lãi tăng lên tổng cộng vốn và lãi là 234.000.000 đồng. Sau đó, ông Tr tiếp tục tính lãi trên số tiền này, do ông H không có khả năng đóng lãi nên có xin ông Tr tính lãi trên số tiền vốn 200.000.000 đồng nhưng ông Tr không chịu, nên số tiền lãi cứ tăng lên cộng thêm số tiền vốn thì ông nợ ông Tr số tiền vay và lãi khoảng 250.000.000 đồng. Do lúc đó làm lúa thua lỗ nên vợ chồng ông H có cãi nhau và vợ ông H bỏ đi Bình Dương làm thuê. Ông Tr sợ ông H buồn chán rồi bán ghe, nên ông Tr có yêu cầu ông H làm tờ cầm ghe như ông Tr trình bày. Hiện nay, ghe và giấy tờ ông Tr đang giữ. Thời điểm đó ông H có nợ tiền phân bón thuốc trừ sâu khoảng 56.486.000 đồng nên ông Tr làm giấy xác nhận nợ ngày 12/4/2017 là ông có nợ ông Tr 310.000.000 đồng gồm tiền vay và tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu

(lúc đó chưa kết sổ phân thuốc chỉ tính hao hao, hai bên chưa cộng sổ với nhau). Sau đó, ông H đã trả hết phần tiền phân bón 56.486.000 đồng, nên ông H chỉ còn nợ lại ông Tr khoảng 250.000.000 đồng. Lý do ông H làm tờ nhận nợ với ông Tr là do khi ông H chở lúa nếp đi sấy thì ông Tr không cho, rồi ông Tr có kêu Công an xã MPĐ xuống, Công an xuống xem sự việc biết ông thường trú ở CM nên Công an không giải quyết và đi về. Lúc đó, ông Tr có kêu cha ông H là ông N ký tên vào tờ nhận nợ thì ông Tr mới cho ông chở lúa nếp đi sấy, nên cha ông H đồng ý ký tên nhận nợ cùng với ông H. Do đó, ông N không có trách nhiệm gì đối với số nợ này.

Bị đơn ông Lê Văn N trình bày: Do ông H là con ông có nợ tiền ông Tr (nợ tiền gì và cụ thể bao nhiêu thì ông N không biết). Ông H có làm lúa ở TS, sau khi thu hoạch lúa xong thì ông H có lấy ghe chở lúa đi sấy khô để bán lại nhưng ông Tr không cho ông H chở lúa đi, ông N sợ lúa chở không kịp sấy sẽ bị hư, không bán được nên ông N có đứng ra ký tên vào tờ nhận nợ số tiền nợ phân bón thuốc trừ sâu của con ông N với ông Tr để ông Tr cho con ông N chở lúa đi sấy. Nội dung trong giấy mà ông N ký tên là gì ông N không biết vì trời tối ông N không thấy đường đọc và ông N cũng không nhờ ai đọc lại nội dung cho ông N nghe. Sự việc hôm đó có Công an xã xuống nhưng không giải quyết. Lúc ông N ký tên thì Công an đã ra về không chứng kiến sự việc. Mục đích ông N ký tên để bảo lãnh số tiền phân bón thuốc trừ sâu mà con ông N nợ ông Tr để ông Tr cho con ông N chở lúa đi sấy. Hiện nay, con ông N đã trả hết tiền phân bón thuốc trừ sâu cho ông Tr. Nên ông N không đồng ý theo yêu cầu của ông Tr.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày: Trước đây, ông H là chồng bà có vay của ông Tr 200.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, chia ra 02 lần nhận tiền. Lần đầu, vay 160.000.000 đồng, bà V và ông H cùng ký tên vào biên nhận nợ, lần sau vay 40.000.000 đồng không có ký tên mà chỉ ghi chung vào tờ biên nhận lần trước. Tất cả các giấy nợ do ông Tr giữ. Khi ông Tr tính tiền lãi và vốn tổng cộng 234.000.000 đồng thì ông Tr mới kêu vợ chồng bà V ký tên vào tờ cầm ghe với số tiền 230.000.000 đồng. Nay, ông Tr không yêu cầu bà V cùng chồng trả số tiền này thì bà V không có ý kiến gì. Hiện nay, vợ chồng bà V không còn nợ tiền phân bón thuốc trừ sâu của ông Tr nữa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2018/DS-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện CM đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Công Tr.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Công Tr đối với số tiền 8.819.000 đồng.

Buộc ông Lê Hồng H có trách nhiệm trả cho ông Võ Công Tr số tiền 270.883.000đ (*Hai trăm bảy mươi triệu tám trăm tám mươi ba nghìn đồng*)

Buộc ông Lê Văn N có trách nhiệm trả cho ông Võ Công Tr số tiền 11.404.000đ (*Mười một triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng*)

Bản án còn quyết định về lãi suất chậm trả; án phí, quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 02/4/2018 ông Võ Công Tr kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc ông Lê Văn N; Lê Hồng H phải liên đới cùng trả nợ tiền mua phân bón và tiền vay cùng lãi suất theo quy của định pháp luật cho ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Ông Võ Công Tr nộp đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định, nên được chấp nhận về mặt hình thức.

[2] Về tố tụng: Ông H là bị đơn trong vụ án, sau khi xét xử sơ thẩm không có kháng cáo và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và xác định không cung cấp chứng cứ gì mới phát sinh sau phiên tòa sơ thẩm đã xét xử.

Phản phát biểu ý kiến:

[4] Luật sư bảo vệ nguyên đơn có ý kiến: Việc ông Tr với ông H thực tế có quan hệ mua bán phân bón thuộc trừ sâu và vay mượn tiền, được xác nhận bởi biên nhận nợ ngày 12/4/2017, trong nội dung giấy nhận nợ cũng không thể hiện tiền vay hay mua bán phân bón, và cũng không nói bảo lãnh phần nào, nhưng cấp sơ thẩm nhận định và tách ra chỉ buộc ông N chịu trách nhiệm đối với số tiền mua bán phân bón là chưa đánh giá hết các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án; Trong khi ông N biết rõ việc con mình nợ ông ông Tr nên mới ký vào biên nhận nợ là chấp nhận trả nợ thay, còn việc cho rằng ông Tr cộng vốn và lãi thì luật cho phép khi hai bên quyết toán với nhau được cộng lãi vào chốt lại số tiền còn nợ; nên không xem là có gộp tiền lãi suất; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm buộc ông N, ông H có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông Tr;

[5] Luật sư bảo vệ bị đơn có ý kiến: Nội dung việc mua bán phân bón do hai vợ chồng ông Tr thực hiện, kể cả tiền vay cũng do tiền của chung vợ chồng ông Tr, tại phiên tòa ông Tr cũng xác định nội dung này, nhưng cấp sơ thẩm không đưa vợ ông Tr vào người liên quan là thiếu sót; Biên nhận nợ lập vào chiều tối, ông N không có đọc và không biết nội dung trong biên nhận; Nguyên đơn cũng thừa nhận mọi giao dịch mua bán phân bón và vay tiền đều do vợ chồng ông H thực hiện, nên cấp sơ thẩm không buộc ông N chịu trách nhiệm liên đới là có căn cứ; về tính lãi suất có nhập lãi, đề nghị có xem xét và giảm một phần lãi cho ông H; Tuy nhiên, xét thấy cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để giải quyết lại;

Phản tranh luận:

[6] Luật sư nguyên đơn: Trong vụ án này, cấp sơ thẩm không đưa vợ của ông Tr vào tham gia tố tụng là phù hợp pháp luật; Bởi vì, trong quan hệ mua bán thì vợ chồng tự thỏa thuận về quyền tự định đoạt; Các đương sự cũng có thỏa thuận sau khi quyết toán về số tiền vay và lãi, nên mới làm lại biên nhận mới ngày 12/4/2017 là phù hợp chứ không phải gộp lãi; còn việc ông N ký nhận nợ thì phải có trách nhiệm của mình, chứ ký mà không có trách nhiệm thì ký làm gì; chính vì ông N ký nhận nợ, ông Tr mới để cho ông H chở ghe lúa đi và sau đó chiếc ghe này đã bán cho người khác nhằm tẩu tán tài sản; thì trách nhiệm ông N phải cùng chịu liên đới với ông H trả nợ;

[7] Luật sư bị đơn: Việc vay tiền và mua bán phân bón hoàn toàn do vợ chồng ông H thực hiện giao dịch với vợ chồng ông Tr, tại phiên tòa chính ông Tr cũng thừa nhận chưa lần giao dịch với ông N, nên nguyên đơn chỉ dựa vào biên nhận do ông N có ký tên mà buộc liên đới là không có cơ sở.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của các đương sự đúng pháp luật nên được chấp nhận; Cấp sơ thẩm chỉ xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán; nhưng không xác định hợp đồng vay tài sản là có thiếu sót, nhưng thấy rằng cần nêu lên để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Căn cứ vào biên nhận nợ ngày 12/4/2017 không thể hiện ông N bảo lãnh số tiền mua bán phân bón hay tiền vay, việc ông N ký vào biên nhận và cũng thừa nhận có ký tên vào biên nhận là nhận nợ cùng chịu nghĩa vụ với con, cấp sơ thẩm chỉ buộc trách nhiệm bảo lãnh của ông N đối với số tiền mua bán phân bón là không có cơ sở; Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm buộc ông H, ông N chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Tr toàn bộ số tiền nợ, tiền thiếu mua bán phân bón cùng lãi suất theo pháp luật;

[9] Xét thấy: Giữa ông Võ Công Tr và ông Lê Hồng H có giao dịch mua bán phân bón và vay mượn tiền với nhau đều này được các bên thừa nhận. Theo ông Tr khai cho ông Hòa vay 230.000.000đ, tiền lãi phát sinh 18.600.000đ; tiền mua bán phân bón 60.486.000đ; tổng cộng hai khoản là 310.000.000đ, có làm giấy biên nhận nợ ngày 12/4/2017 do ông Lê Hồng H và ông Lê Văn N (Cha ông H) cùng ký tên nhận nợ; Sau đó có trả được 50.000.000đ nên ông Tr yêu cầu trách nhiệm liên đới của ông N, ông H trả số tiền 260.000.000đ cùng lãi suất theo luật định; Còn ông Lê Hồng H cho rằng năm 2016 có thuê đất ruộng ở TS làm lúa, lần đầu vay 160.000.000đ, lần 2 vay thêm 40.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, nhưng do lúa sụt giá thua lỗ, nên không có tiền trả vốn lãi, thừa nhận còn nợ vay ông Tr 250.000.000đ (Trong đó có 50 triệu đồng lãi); còn tiền mua bán phân bón thiếu còn 56.486.000đ nhưng đã trả xong. Ông Lê Văn N cho rằng do ông H nợ tiền của ông Tr và ông Tr không cho ông H chở ghe lúa đi sấy khô, sợ lúa hư bán không được nên ký vào tờ biên nhận nợ, nội dung tờ biên nhận ông không biết do lúc đó trời tối; Bà V vợ ông H khai có cùng ông H vay hai lần tiền của ông Tr tổng cộng 200 triệu đồng, tiền lãi 34.000.000đ, trả được 4.000.000đ còn nợ lại 230 triệu đồng; Ông Tr khởi kiện chỉ yêu cầu ông H, cùng ông N liên đới chịu trách nhiệm trả tiền (Không yêu cầu bà V).

[10] Cấp sơ thẩm xử buộc ông H có trách nhiệm trả ông Tr số tiền nợ vay, tiền lãi suất tổng cộng là: 270.883.000đ; Buộc ông N chịu trách nhiệm trả số tiền mua phân bón còn thiếu và lãi là: 11.404.000đ (Chịu trách nhiệm bảo lãnh của số tiền mua phân bón). Sau khi xét xử nguyên đơn ông Võ Công Tr kháng cáo nội dung yêu cầu xem xét trách nhiệm liên đới của ông N trong việc trả tiền cho ông Tr;

[11] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Công Tr yêu cầu xem xét trách nhiệm liên đới của ông Lê Văn N cùng ông Lê Hồng H trả nợ cho ông thì thấy, tại đơn khởi kiện và tờ tự khai ngày 20/11/2017, ông Võ Công Tr yêu cầu ông H, ông N có trách nhiệm liên đới trả số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn thiếu 260.000.000đ và tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 12/4/2017, không yêu cầu bà Nguyễn Thị V phải chịu trách nhiệm liên đới;

[11.1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Tr khai sau khi làm biên nhận ngày 12/4/2017, thì sau đó ông H có trả được 50.000.000đ, chứ không nói là trả tiền mua bán phân bón hay tiền nợ vay; Còn ông N khai có ký tên vào biên nhận ngày 12/4/2017 nhưng không biết nội dung gì, thì làm sao biết phân biệt được thiếu bao nhiêu tiền mua bán phân bón, bao nhiêu tiền nợ vay. Nội dung giấy xác nhận nợ ngày 12/4/2017 cũng không thể hiện tiền mua bán phân bón và tiền vay cụ thể là bao nhiêu, chỉ thể hiện ông N, ông H còn nợ 310.000.000đ;

[11.2] Ông Tr khai chỉ mua bán phân bón và cho vợ chồng ông H mượn tiền, chứ không có giao dịch với ông N (Cha ông H); lời khai này phù hợp với bà V (Vợ chồng H) và bà Viên cũng thừa nhận nợ của vợ chồng, nhưng do ông Tr không yêu cầu trách nhiệm bà V trả nợ; Tại phiên tòa phúc thẩm ông Tr vẫn xác định không yêu cầu bà V cùng trách nhiệm liên đới, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, nên cấp sơ thẩm không buộc bà V cùng chịu trách nhiệm liên đới là phù hợp pháp luật.

[11.3] Xét biên nhận nợ lập ngày 12/4/2017 nội dung thể hiện ông N, ông H còn thiếu nợ ông Tr 310.000.000đ, biên nhận được chính ông N, ông H cùng ký tên trong ngày; Tại thời điểm ký tên ông N có đủ năng lực hành vi dân sự, không bị ép buộc hay nhầm lẫn, lừa dối và trong nội dung biên nhận cũng không có thể hiện ông N ký là nhằm bảo lãnh số tiền mua bán phân bón còn thiếu. Ông N, ông H cũng không cung cấp chứng cứ nào thể hiện chỉ bảo lãnh số tiền mua bán phân và số tiền trả 50.000.000đ sau khi làm biên nhận nợ là tiền thiếu mua bán phân. Cấp sơ thẩm nhận định cho rằng ông H đã trả 50.000.000đ là tiền mua bán phân và ông N chỉ bảo lãnh trong phạm vi tiền mua bán phân bón là thiếu căn cứ vững chắc. Đây được xem quyền chuyển giao nghĩa vụ từ vợ chồng ông H sang cho ông N để thực hiện nghĩa vụ liên đới (Theo Điều 288 của Bộ luật Dân sự 2015) và sự chuyển giao nghĩa vụ này được bên có quyền đồng ý (Ông Tr). Do đó cần buộc trách nhiệm ông N cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho ông Tr là có cơ sở như lời phát biểu của Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay;

Đối với phát biểu của Luật sư của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm không đưa vợ ông Tr vào tham gia tố tụng là thiếu sót là không đúng: Bởi vì, trong vụ này ông Tr vẫn có quyền tự đứng ra khởi kiện bị đơn để đòi lại tài sản cho mình, không ảnh hưởng gì

đến quyền lợi của vợ chồng ông Tr, nên yêu cầu hủy án của Luật sư là không có cơ sở.

[12] Dựa vào lời khai của các đương sự cùng các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ như giấy cầm ghe lập ngày 09/12/2016, là để đảm bảo số tiền vay 230.000.000đ, chứ thực ra ông Tr cũng không có quản lý chiếc ghe này ngày nào cả, các đương sự không tranh chấp việc cầm ghe; Cấp sơ thẩm không đặt ra giải quyết là phù hợp pháp luật;

Căn cứ biên nhận nợ ngày 12/4/2017 thấy đủ cơ sở để xác định tiền vay mượn nợ chưa trả là 230.000.000đ (Được xác lập ngày 09/12/2016).

Đối với tiền lãi suất ông Tr cộng vào 18.600.000đ là cao so với quy định, cần điều chỉnh lãi suất (9%/năm x 150%) của số tiền vay 230.000.000đ như sau:

Từ ngày 09/12/2016 đến ngày 12/4/2017: $230.000.000đ \times (4 \text{ tháng } 3 \text{ ngày}) \times 1,125\% / \text{tháng} = 10.608.750đ$; (1)

Đến ngày 12/4/2017 gộp tiền mượn với tiền mua bán phân bón lại thành: $230.000.000đ + 60.486.000đ = 290.486.000đ$; Các đương sự thống nhất, sau làm biên nhận ngày 12/4/2017 thì ông H trả được 50.000.000đ, nên thực chất thì phía bị đơn chỉ còn thiếu 240.486.000đ và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 12/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Khi làm biên nhận mới các đương sự không có thỏa thuận lãi suất, biên nhận xác lập sau ngày 01/01/2017, nên áp dụng mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 là phù hợp pháp luật; Do đó, xác định trách nhiệm liên đới của ông Năng, ông Hòa từ thời điểm 12/4/2017.

Từ ngày 12/4/2017 đến ngày 28/3/2018: $240.486.000đ \times (11 \text{ tháng } 16 \text{ ngày}) \times 0,83\% / \text{tháng} = 23.014.268đ$; (2).

Về trách nhiệm trả nợ, đối với số tiền lãi suất phát sinh từ ngày 09/12/2016 đến ngày 12/4/2017 thì thuộc trách nhiệm vợ chồng ông H trả tiền lãi, nhưng ông Tr chỉ yêu cầu một mình ông H chịu nên ông H phải có trách nhiệm trả cho ông Tr số tiền lãi 10.608.750đ (Từ ngày 09/12/2016 đến ngày 12/4/2017), do lúc này ông N chưa ký vào biên nhận nợ.

Về trách nhiệm liên đới ông H, ông N phải có trách nhiệm đối với số tiền 240.486.000đ (là ngày ông N cùng nhận nợ với ông H), cộng với lãi suất 23.014.260đ; tổng cộng: 263.500.260đ.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền lãi suất phải trả cho ông Tr;

Ông N, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông Tr; Nhưng ông N là người cao tuổi, theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, thuộc trường hợp được miễn án phí; Do đó ông H chỉ chịu ½ tiền án phí sơ thẩm đối với số tiền liên đới trả cho ông Tr;

Do kháng cáo của ông Võ Công Tr được chấp nhận, nên không phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo luật định.

[14] Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm có thiếu sót như: Đương sự khai làm phát sinh quan hệ tranh chấp mới, đáng lẽ phải hướng dẫn đương sự làm đơn khởi kiện bổ sung và Thông báo thụ lý bổ sung thêm quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” nhưng cấp sơ thẩm bỏ qua là có thiếu sót; Đối với ông Lê Văn N trên 60 tuổi, nhưng cấp sơ vẫn buộc chịu án phí sơ thẩm là chưa chính xác, về cách tuyên trách nhiệm bảo lãnh đối với ông N cũng không chính xác, nhưng xét thấy các thiếu sót này không vi phạm nghiêm trọng tố tụng và tính chất vụ việc khi giải quyết lại không thay đổi, nên không nhất thiết phải hủy án sơ thẩm nhưng cần nêu lên để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm chung;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 điều 148, điều 227, **228** của Bộ Luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2015;

Căn cứ Điều 305, 438, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 274, 288, 370, 468, 688, 689 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Công Tr;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2018/DS-ST ngày 28/3/2018 của Toà án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Công Tr.

Buộc ông Lê Hồng H, ông Lê Văn N phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Võ Công Tr tiền nợ vay, tiền mua phân bón còn thiếu cùng tiền lãi suất; Tổng cộng là: **263.500.260đ** (*Hai trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn hai trăm sáu mươi đồng*)

Buộc ông Lê Hồng H phải có trách nhiệm trả cho ông Võ Công Tr số tiền lãi suất phát sinh là **10.608.750đ** (*Mười triệu sáu trăm lẻ tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng*)

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Hồng H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.117.943 (*Bảy triệu một trăm mười bảy ngàn chín trăm bốn mươi ba đồng*). Ông Lê Văn N được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Công Tr được nhận lại số tiền 6.500.000 đồng (*sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018825 ngày 23/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Công Tr không phải chịu tiền án phí phúc thẩm, được nhận lại 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019443 ngày 02/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CM.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Những phần Quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang, không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Toà Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đường sự “ Đề thi hành ”
- Lưu: HS.

Nguyễn Văn Sơn